

Số: / BGDĐT-KHCNTT
V/v hướng dẫn triển khai mô hình hợp
tác giữa Nhà nước - Nhà trường -
Doanh nghiệp

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

Kính gửi:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp, viện nghiên cứu.

Thực hiện Thông báo Kết luận số 22-TB/CQTTBCĐ, ngày 20/3/2026 của đồng chí Tổng Bí thư Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, Bộ Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn triển khai mô hình hợp tác 3 Nhà (Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp) như sau:

1. Nguyên tắc, vai trò và trách nhiệm của các chủ thể trong hợp tác giữa Nhà nước - Nhà trường - Doanh nghiệp

a) Nguyên tắc hợp tác quy định cụ thể tại khoản 1 Điều 12 của Nghị định số 125/2026/NĐ-CP ngày 06/4/2026 của Chính phủ quy định về hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong cơ sở giáo dục đại học.

b) Vai trò, trách nhiệm của các chủ thể quy định cụ thể tại khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 125/2026/NĐ-CP và Điều 23 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Các hình thức hợp tác giữa Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp trong hoạt động đào tạo, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Các hình thức hợp tác được mô tả và làm rõ trách nhiệm, quyền lợi của các chủ thể tại Phụ lục I.

b) Hình thức Nhà nước đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho tổ chức, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục II.

c) Hình thức đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với đơn vị sự nghiệp công lập khác; hoặc tổ chức, cá nhân khác, nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc hợp tác đào tạo được hướng dẫn chi tiết tại Phụ lục III.

3. Các cơ chế, chính sách

Các cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế, tài chính, đầu tư, hỗ trợ, quản trị rủi ro, thử nghiệm có kiểm soát, định giá tài sản, hướng dẫn thành lập doanh nghiệp từ đại học, viện nghiên cứu được hướng dẫn tại Phụ lục IV.

Ngoài ra, Bộ Khoa học và Công nghệ đang hoàn thiện đề xuất cơ chế thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ/kết quả nghiên cứu.

Bộ Giáo dục và Đào tạo trân trọng gửi đến Quý cơ quan nghiên cứu và tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- BCĐ Trung ương về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (để b/c);
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Thứ trưởng;
- Các đơn vị thuộc Bộ (để t/h);
- Lưu: VT, KHCNTT.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Quân

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Phụ lục I **CÁC HÌNH THỨC HỢP TÁC GIỮA NHÀ NƯỚC – NHÀ TRƯỜNG – DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO, KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng năm 2026)

1. Đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

a) Mô tả

- Đối với hình thức do Nhà nước đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

+ Là cơ chế Nhà nước chủ động xác định và đặt hàng các nhiệm vụ ưu tiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh hoặc giải quyết các vấn đề thực tiễn, giao cho tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện.

+ Nhà nước quy định mục tiêu, nội dung, sản phẩm và tiêu chí đánh giá, đồng thời hỗ trợ kinh phí từ ngân sách (một phần hoặc toàn bộ) tùy tính chất nhiệm vụ, nhằm thu hút thêm nguồn lực xã hội. Lựa chọn đơn vị thực hiện thông qua tuyển chọn, giao trực tiếp, bảo đảm công khai, minh bạch; quản lý theo kết quả, gắn với tiến độ và chất lượng sản phẩm. Kết quả nhiệm vụ do Nhà nước quản lý, khai thác theo quy định, đồng thời có thể giao cho nhà trường và/hoặc doanh nghiệp ứng dụng vào thực tiễn.

- Đối với hình thức do Doanh nghiệp đặt hàng, tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo:

+ Là cơ chế doanh nghiệp chủ động xác định nhu cầu nghiên cứu, đổi mới công nghệ từ thực tiễn sản xuất, kinh doanh và đặt hàng cho tổ chức, cá nhân có năng lực thực hiện.

+ Doanh nghiệp thỏa thuận mục tiêu, nội dung, sản phẩm và tiêu chí đánh giá, đồng thời bố trí kinh phí (một phần hoặc toàn bộ) để triển khai nhiệm vụ. Lựa chọn đơn vị thực hiện thông qua thỏa thuận, hợp đồng, có thể bằng tuyển chọn, đặt hàng trực tiếp hoặc hợp tác R&D. Kết quả nhiệm vụ do doanh nghiệp ưu tiên quản lý, khai thác và ứng dụng; quyền sở hữu và phân chia lợi ích được thỏa thuận giữa các bên, hướng tới thương mại hóa.

b) Trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng chiến lược, lĩnh vực ưu tiên và ban hành danh mục nhiệm vụ đặt hàng. - Đặt hàng từ ngân sách nhà nước. - Cơ chế khuyến khích tài trợ/đồng tài trợ 	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng hệ thống nghiên cứu phục vụ mục tiêu phát triển quốc gia. - Huy động nguồn lực xã hội hóa, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách.

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
	<p>từ doanh nghiệp, xã hội.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ban hành quy định về tuyển chọn/giao nhiệm vụ, quản lý tài chính, sở hữu trí tuệ, chia sẻ lợi ích. - Giám sát, đánh giá, nghiệm thu kết quả theo mục tiêu đầu ra. - Tạo hành lang pháp lý cho chuyển giao, thương mại hóa và nhân rộng kết quả. 	<ul style="list-style-type: none"> - Có quyền sở hữu hoặc sử dụng kết quả theo tỷ lệ đầu tư. - Cùng cố vai trò kiến tạo hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất, xây dựng thuyết minh nhiệm vụ đáp ứng đồng thời yêu cầu đặt hàng và nhu cầu tài trợ. - Tổ chức triển khai nghiên cứu, đảm bảo chất lượng khoa học, tiến độ và hiệu quả sử dụng kinh phí. - Chủ động huy động và phối hợp các nguồn tài trợ (doanh nghiệp, quỹ, quốc tế). - Minh bạch tài chính, quản trị nhiệm vụ theo cả quy định nhà nước và cam kết với bên tài trợ. - Phối hợp doanh nghiệp trong thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm và chuyển giao. - Quản lý, khai thác và thương mại hóa tài sản trí tuệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận đa dạng nguồn lực tài chính (ngân sách + tài trợ). - Nâng cao năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất và uy tín học thuật. - Gia tăng sản phẩm khoa học, công nghệ có tính ứng dụng cao. - Được chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích thương mại hóa theo đóng góp. - Tăng cường gắn kết đào tạo, nghiên cứu, thị trường. - Mở rộng mạng lưới hợp tác trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.
Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đề xuất hoặc đồng đề xuất nhiệm vụ nghiên cứu gắn với nhu cầu thị trường. - Tài trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí (tiền, thiết bị, dữ liệu, chuyên gia...). - Phối hợp với nhà trường trong quá trình nghiên cứu, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm. - Tham gia giám sát tiến độ, chất lượng và hiệu quả sử dụng nguồn lực theo thỏa thuận. - Cam kết tiếp nhận, ứng dụng hoặc thương mại hóa kết quả nghiên cứu. - Tuân thủ quy định pháp lý và thỏa thuận về sở hữu trí tuệ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng trực tiếp kết quả nghiên cứu theo nhu cầu sản xuất, kinh doanh. - Ưu tiên quyền khai thác, sử dụng hoặc nhận chuyển giao công nghệ. - Giảm chi phí và rủi ro R&D nhờ cơ chế chia sẻ với Nhà nước và Nhà trường. - Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và năng lực cạnh tranh. - Tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao. - Gia tăng uy tín, thương hiệu và trách nhiệm xã hội.

2. Đầu tư, đồng đầu tư hạ tầng phát triển nền tảng đào tạo, nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

a) Mô tả

- Đối với hình thức Nhà nước đầu tư hạ tầng phát triển nền tảng đào tạo, nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

+ Nhà nước chủ trì đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, hạ tầng số, không gian đổi mới sáng tạo...).

+ Nhà nước xác định mục tiêu, quy mô, nội dung đầu tư, bố trí kinh phí từ ngân sách và các nguồn hợp pháp khác để triển khai, ưu tiên các lĩnh vực then chốt, có tính lan tỏa cao. Giao cho các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu quản lý, vận hành, khai thác, bảo đảm hiệu quả sử dụng. Đồng thời tạo điều kiện cho doanh nghiệp tham gia khai thác, ứng dụng, nâng cao hiệu quả đầu tư của Nhà nước.

- Đối với hình thức Nhà nước và doanh nghiệp đồng đầu tư hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo:

+ Nhà nước và doanh nghiệp cùng tham gia đầu tư xây dựng, phát triển hạ tầng phục vụ đào tạo, nghiên cứu và đổi mới sáng tạo (phòng thí nghiệm, trung tâm nghiên cứu, hạ tầng số, không gian đổi mới sáng tạo...).

+ Hạ tầng đầu tư được quản lý, vận hành và khai thác theo thỏa thuận, phục vụ đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao công nghệ; doanh nghiệp có quyền cùng Nhà trường tham gia khai thác.

b) Trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đầu tư phát triển hạ tầng chiến lược như phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm nghiên cứu, trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp. - Hỗ trợ xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo gắn với công nghệ mới và nhu cầu thị trường. - Xây dựng và vận hành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo (vườn ươm, quỹ hỗ trợ, mạng lưới chuyên gia...). - Thúc đẩy hợp tác quốc tế, tạo cơ chế thu hút chuyên gia, nhà khoa học, nhân tài trong và ngoài nước. - Ban hành cơ chế, chính sách ưu đãi (đất đai, thuế, tài chính...) để khai thác hiệu quả hạ tầng. - Giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư và vận hành hệ thống. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực quốc gia về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Hình thành các trung tâm nghiên cứu mạnh có tầm khu vực và quốc tế. - Tăng chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển. - Thu hút đầu tư, công nghệ và tri thức từ quốc tế. - Tạo nền tảng dài hạn cho phát triển kinh tế tri thức và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. - Gia tăng hiệu quả lan tỏa từ đầu tư công.
Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp nhận, quản lý, vận hành hiệu quả hạ tầng được đầu tư. - Phát triển chương trình đào tạo tiên tiến, tích hợp nghiên cứu, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp. - Xây dựng các nhóm nghiên cứu mạnh, trung tâm nghiên cứu xuất sắc. - Kết nối doanh nghiệp, đối tác quốc tế để khai thác hạ tầng và triển khai các hoạt động nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. - Tham gia xây dựng và vận hành hệ sinh thái khởi nghiệp trong trường. - Thu hút, phát triển đội ngũ giảng viên, 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận đa dạng nguồn lực tài chính (ngân sách + tài trợ). - Sở hữu và khai thác hạ tầng hiện đại phục vụ đào tạo và nghiên cứu. - Nâng cao năng lực nghiên cứu, xếp hạng và uy tín quốc tế. - Gia tăng nguồn thu từ nghiên cứu, chuyển giao công nghệ và dịch vụ khoa học. - Thu hút sinh viên, học viên, nhà khoa học giỏi trong và ngoài nước. - Mở rộng hợp tác quốc tế và kết nối doanh nghiệp.

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
	nhà khoa học chất lượng cao.	- Phát triển trung tâm đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp.
Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia đầu tư hoặc đồng đầu tư bổ sung (thiết bị, phòng lab, quỹ khởi nghiệp...) và đồng phát triển hệ sinh thái. - Tham gia khai thác, sử dụng hạ tầng nghiên cứu, đào tạo. - Phối hợp với nhà trường trong xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo thực hành, đặt hàng nhân lực. - Hợp tác triển khai các dự án nghiên cứu, đổi mới sáng tạo. - Tiếp nhận, ứng dụng và thương mại hóa kết quả nghiên cứu. - Tham gia mạng lưới đổi mới sáng tạo, kết nối quốc tế. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận hạ tầng nghiên cứu hiện đại với chi phí tối ưu. - Chủ động tham gia đào tạo và tuyển dụng nguồn nhân lực chất lượng cao. - Tiếp cận tri thức, công nghệ mới và mạng lưới chuyên gia. - Tăng cường năng lực đổi mới sáng tạo và cạnh tranh. - Tham gia hệ sinh thái khởi nghiệp, đầu tư vào các dự án tiềm năng. - Mở rộng hợp tác quốc tế thông qua kết nối của Nhà nước và Nhà trường.

3. Tài trợ học phí, học bổng nhằm đào tạo nhân lực và thu hút nhân tài

a) Mô tả

- Đối với hình thức tài trợ từ ngân sách nhà nước cho học phí, học bổng nhằm đào tạo nhân lực và thu hút nhân tài:

+ Nhà nước sử dụng ngân sách để hỗ trợ chi phí đào tạo thông qua miễn, giảm học phí hoặc cấp học bổng cho người học, đặc biệt trong các lĩnh vực ưu tiên, then chốt.

+ Nhà nước xác định đối tượng, tiêu chí và mức hỗ trợ phù hợp với mục tiêu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao và thu hút, bồi dưỡng nhân tài. Việc triển khai được thực hiện thông qua các chương trình, đề án hoặc chính sách hỗ trợ trực tiếp, bảo đảm công khai, minh bạch và đúng đối tượng.

- Đối với hình thức doanh nghiệp tài trợ học phí, học bổng nhằm đào tạo nhân lực và thu hút nhân tài:

+ Doanh nghiệp hỗ trợ chi phí đào tạo thông qua cấp học bổng, tài trợ học phí cho người học.

+ Doanh nghiệp xác định đối tượng, tiêu chí và mức hỗ trợ, ưu tiên các ngành, lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển và nhu cầu tuyển dụng thông qua chương trình hợp tác với cơ sở đào tạo hoặc tài trợ trực tiếp, có thể kèm theo cam kết thực tập, làm việc sau tốt nghiệp.

b) Trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo ngành, lĩnh vực ưu tiên. - Bố trí ngân sách cấp học bổng, hỗ trợ học phí (trong nước và quốc tế). - Ban hành tiêu chí tuyển chọn, cơ chế 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động phát triển đội ngũ nhân lực chiến lược phục vụ phát triển đất nước. - Tăng hiệu quả đầu tư công vào giáo dục và đào tạo. - Thu hút, giữ chân nhân tài trong và ngoài nước.

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
	<ul style="list-style-type: none"> quản lý, ràng buộc trách nhiệm người học (cam kết phục vụ, hoàn trả...). - Thiết kế chính sách thu hút, đãi ngộ nhân tài sau đào tạo (môi trường làm việc, thu nhập, cơ hội phát triển). - Kiến tạo hành lang pháp lý hợp tác với Nhà trường và Doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra, sử dụng hiệu quả nhân lực. - Giám sát, đánh giá hiệu quả triển khai. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. - Tạo nguồn nhân lực cho khu vực công và các ngành trọng điểm.
Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyển sinh, đào tạo người học theo tiêu chuẩn chương trình học bổng. - Xây dựng chương trình đào tạo tiên tiến, xuất sắc gắn với chuẩn quốc tế và nhu cầu thị trường. - Quản lý, hỗ trợ người học (học tập, nghiên cứu, phát triển kỹ năng). - Phối hợp với doanh nghiệp trong đào tạo, thực hành, thực tập, định hướng nghề nghiệp. - Theo dõi, đánh giá kết quả học tập và ràng buộc nghĩa vụ của người học. - Kết nối mạng lưới cựu học viên, chuyên gia, nhà khoa học. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thu hút người học giỏi, nâng cao chất lượng đầu vào. - Gia tăng uy tín, vị thế và xếp hạng đào tạo. - Mở rộng hợp tác quốc tế, tiếp cận chương trình tiên tiến. - Tăng nguồn lực tài chính và cơ hội phát triển chương trình đào tạo chất lượng cao. - Gắn kết chặt chẽ với doanh nghiệp và thị trường lao động.
Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia xác định nhu cầu nhân lực, ngành nghề đào tạo ưu tiên. - Phối hợp xây dựng chương trình đào tạo, kỹ năng nghề nghiệp. - Cung cấp cơ hội thực tập, đào tạo tại doanh nghiệp. - Tham gia đồng tài trợ học bổng hoặc hỗ trợ người học. - Tuyển dụng, sử dụng nhân lực. - Đóng góp phản hồi để cải tiến chương trình đào tạo. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận nguồn nhân lực chất lượng cao, được đào tạo theo nhu cầu. - Giảm chi phí tuyển dụng và đào tạo lại. - Nâng cao năng lực cạnh tranh nhờ tuyển dụng được nhân lực chất lượng. - Tham gia định hình chương trình đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. - Gia tăng trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

4. Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết với đơn vị sự nghiệp công lập khác; hoặc tổ chức, cá nhân khác, nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc hợp tác đào tạo

a) Mô tả

- Đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công (cơ sở vật chất, trang thiết bị, hạ tầng...) để liên doanh, liên kết với đơn vị sự nghiệp công lập khác hoặc tổ chức, cá nhân nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc hợp tác đào tạo.

- Việc liên doanh, liên kết được thực hiện trên cơ sở đề án, hợp đồng hoặc thỏa thuận hợp tác, bảo đảm đúng quy định về quản lý, sử dụng tài sản công và phù hợp chức năng, nhiệm vụ của đơn vị. Các bên thỏa thuận về mục tiêu, nội dung hợp tác,

phương thức khai thác tài sản, phân chia chi phí, lợi ích và trách nhiệm, bảo đảm công khai, minh bạch và hiệu quả.

b) Trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành khung pháp lý về quản lý, sử dụng tài sản công trong liên doanh, liên kết (định giá, góp vốn, phân chia lợi ích...). - Quy định rõ tiêu chí, điều kiện, quy trình phê duyệt các dự án liên doanh, liên kết. - Giám sát việc sử dụng tài sản công đúng mục đích, tránh thất thoát, lãng phí. - Thiết lập cơ chế kiểm tra, đánh giá hiệu quả khai thác tài sản công. - Cho phép thí điểm các mô hình linh hoạt nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo. - Bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, đơn vị sự nghiệp và đối tác. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài sản công; giảm gánh nặng đầu tư mới từ ngân sách. - Huy động nguồn lực xã hội. - Thúc đẩy chuyển giao công nghệ, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. - Gia tăng giá trị tài sản công và đóng góp cho ngân sách. - Hình thành các mô hình hợp tác công tư.
Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng đề án liên doanh, liên kết sử dụng tài sản công đúng quy định đảm bảo không làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ chính trị, công ích được giao. - Định giá, quản lý và sử dụng tài sản công minh bạch, hiệu quả. - Ký kết và thực hiện hợp đồng hợp tác với đối tác (doanh nghiệp, tổ chức...). - Tổ chức triển khai hoạt động nghiên cứu, đào tạo, chuyển giao công nghệ. - Báo cáo, công khai và chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng tài sản công. 	<ul style="list-style-type: none"> - Khai thác hiệu quả cơ sở vật chất, phòng thí nghiệm, trang thiết bị. - Tăng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động liên doanh, liên kết. - Nâng cao năng lực nghiên cứu, đào tạo và chuyển giao công nghệ. - Mở rộng hợp tác với doanh nghiệp và quốc tế. - Tăng tính tự chủ tài chính và năng lực cạnh tranh. - Gia tăng giá trị tài sản trí tuệ và thương hiệu.
Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Tham gia góp vốn (tài chính, công nghệ, nhân lực) trong liên doanh, liên kết. - Phối hợp khai thác hạ tầng, tài sản công theo thỏa thuận. - Tham gia triển khai các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, đổi mới sáng tạo. - Tuân thủ quy định pháp luật về tài sản công và các cam kết hợp đồng. - Chia sẻ lợi ích và rủi ro theo tỷ lệ đóng góp. - Bảo đảm mục tiêu hợp tác gắn với hiệu quả kinh tế – xã hội. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận và sử dụng hạ tầng, trang thiết bị hiện đại với chi phí hợp lý. - Hợp tác trực tiếp với đội ngũ chuyên gia, nhà khoa học. - Tiếp cận kết quả nghiên cứu, công nghệ mới. - Mở rộng hoạt động R&D. - Tăng cơ hội thương mại hóa sản phẩm, dịch vụ. - Gia tăng uy tín, thương hiệu thông qua hợp tác với khu vực công.

5. Nhà nước - doanh nghiệp đồng đầu tư quỹ nghiên cứu phát triển

a) Mô tả

- Nhà nước và doanh nghiệp cùng góp vốn hình thành quỹ nhằm tài trợ, hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo.

- Các bên thỏa thuận về mục tiêu, lĩnh vực ưu tiên, cơ cấu vốn góp và cơ chế quản lý quỹ, trong đó Nhà nước định hướng các nhiệm vụ chiến lược, doanh nghiệp gắn với nhu cầu thị trường và ứng dụng.

- Quỹ được vận hành theo cơ chế linh hoạt, minh bạch, thực hiện tài trợ, cho vay ưu đãi hoặc đồng tài trợ các nhiệm vụ, dự án R&D, bảo đảm hiệu quả sử dụng nguồn lực và chia sẻ rủi ro.

b) Trách nhiệm và quyền lợi của các chủ thể

Chủ thể	Trách nhiệm	Quyền lợi
Nhà nước	<ul style="list-style-type: none"> - Ban hành khung pháp lý cho việc thành lập và vận hành quỹ R&D (cơ chế tài chính, quản trị, kiểm soát rủi ro). - Góp vốn từ ngân sách (vốn môi), định hướng lĩnh vực ưu tiên (công nghệ lõi, công nghệ chiến lược...). - Thiết kế cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia (ưu đãi thuế, đồng tài trợ, chia sẻ rủi ro). - Tham gia hoặc giám sát Hội đồng quản lý quỹ, đảm bảo minh bạch và hiệu quả. - Thiết lập tiêu chí lựa chọn, tài trợ nhiệm vụ nghiên cứu. - Đánh giá, giám sát hiệu quả đầu tư. 	<ul style="list-style-type: none"> - Huy động nguồn lực xã hội hóa cho R&D, giảm áp lực ngân sách. - Định hướng phát triển công nghệ chiến lược quốc gia. - Tăng hiệu quả đầu tư công thông qua cơ chế “vốn môi, vốn dẫn dắt”. - Thúc đẩy hình thành thị trường đầu tư cho khoa học, công nghệ. - Đồng sở hữu hoặc được quyền sử dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ góp vốn. - Gia tăng năng lực đổi mới sáng tạo quốc gia.
Nhà trường	<ul style="list-style-type: none"> - Đề xuất, đăng ký các nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp với định hướng của quỹ. - Tổ chức triển khai nghiên cứu, đảm bảo chất lượng khoa học và tiến độ. - Phối hợp với doanh nghiệp trong nghiên cứu ứng dụng, thử nghiệm và hoàn thiện công nghệ. - Quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn vốn tài trợ từ quỹ. - Báo cáo, nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu. - Tham gia thương mại hóa kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp cận nguồn tài chính ổn định và linh hoạt cho R&D. - Nâng cao năng lực nghiên cứu, cơ sở vật chất và đội ngũ. - Gia tăng sản phẩm khoa học, công nghệ có khả năng ứng dụng cao. - Được chia sẻ quyền sở hữu trí tuệ và lợi ích thương mại hóa. - Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và quốc tế. - Nâng cao uy tín học thuật và vị thế nghiên cứu.
Doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Góp vốn vào quỹ (tiền, công nghệ, dữ liệu, chuyên gia...). - Tham gia Hội đồng quản lý/quyết định đầu tư của quỹ. - Đề xuất, đồng xác định các nhiệm vụ nghiên cứu phù hợp nhu cầu thị trường. - Phối hợp với nhà trường trong triển khai, thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm. - Tham gia giám sát việc sử dụng vốn và đánh giá hiệu quả đầu tư. - Cam kết ứng dụng, thương mại hóa kết quả nghiên cứu. 	<ul style="list-style-type: none"> - Chủ động định hướng danh mục nghiên cứu phù hợp chiến lược kinh doanh. - Tiếp cận sớm công nghệ mới, kết quả nghiên cứu tiềm năng. - Chia sẻ chi phí và rủi ro R&D với Nhà nước và các đối tác. - Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và cạnh tranh. - Được ưu tiên quyền khai thác, sử dụng hoặc nhận chuyển giao công nghệ. - Gia tăng uy tín, thương hiệu và vị thế trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục II****HÌNH THỨC NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG, TÀI TRỢ MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ KINH PHÍ TỪ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO TỔ CHỨC, DOANH NGHIỆP THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO**

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng năm 2026)

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo năm 2025;
- Nghị định số 267/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo về chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và một số quy định về thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo (sau đây gọi tắt là Nghị định số 267/2025/NĐ-CP).

2. Nội dung và các bước thực hiện hợp tác

a) Điều kiện đối với tổ chức, doanh nghiệp đề nghị xét tài trợ, đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 5 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Tiêu chí đối với các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Điều 5, 7, 8 và 9 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

c) Căn cứ thực hiện Thông báo kế hoạch tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

d) Trình tự đặt hàng và thông báo kế hoạch đặt hàng để tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể các bước như sau:

Bước 1. Đề xuất/đặt hàng nhiệm vụ: Các bộ, ngành, địa phương, tổ chức chính trị – xã hội xác định nhu cầu và đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thuộc phạm vi quản lý, gửi đề xuất đến cơ quan quản lý nhiệm vụ thông qua cổng dịch vụ công/Nền tảng số quốc gia hoặc trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính

Bước 2. Xây dựng nội dung đặt hàng: Hồ sơ đặt hàng cần làm rõ: Tính cấp thiết; mục tiêu; kết quả dự kiến, hiệu quả và tác động; kinh phí dự kiến; đề xuất đơn vị thực hiện (nếu có); cam kết tiếp nhận, quản lý và sử dụng kết quả; nêu rõ quyền sở hữu/ sử dụng của Nhà nước (nếu có yêu cầu tiếp nhận)

Bước 3. Rà soát, lựa chọn và xác định kinh phí: Cơ quan quản lý nhiệm vụ tổ chức rà soát, lựa chọn đề xuất phù hợp; thành lập tổ chuyên gia tư vấn xác định mức

trần kinh phí hỗ trợ từ ngân sách; xem xét giao trực tiếp trong các trường hợp theo quy định pháp luật

Bước 4. Thông báo kế hoạch đặt hàng: Cơ quan quản lý nhiệm vụ công bố kế hoạch đặt hàng; quy định rõ thời hạn tiếp nhận hồ sơ, đảm bảo đủ thời gian chuẩn bị.

Bước 5. Công bố thông tin chi tiết kế hoạch: Thông báo phải nêu rõ mức trần kinh phí dự kiến; thời hạn, địa chỉ, phương thức thực hiện; phương thức tiếp nhận hồ sơ; nêu rõ quyền quản lý, sử dụng, sở hữu kết quả của Nhà nước (nếu có)

đ) Trình tự xét tài trợ, đặt hàng, thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, cụ thể các bước như sau:

Bước 1. Nộp hồ sơ: Tổ chức đăng ký nộp hồ sơ qua cổng dịch vụ công/nền tảng số hoặc trực tiếp/dịch vụ bưu chính.

Bước 2. Tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ: Cơ quan quản lý nhiệm vụ tiếp nhận, rà soát tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định tại Điều 11 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP. Theo đó, nếu hồ sơ hợp lệ, tiến hành xem xét tài trợ, đặt hàng. Nếu hồ sơ không hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hết hạn nộp hồ sơ, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo cho tổ chức đề xuất.

Bước 3. Tổ chức xét tài trợ, đặt hàng:

Có 02 trường hợp:

- Việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo tương ứng đối với từng loại hình nhiệm vụ do cơ quan có thẩm quyền quản lý loại hình nhiệm vụ đó quy định (nếu có).

- Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong khuôn khổ hợp tác quốc tế; nhiệm vụ giải mã công nghệ, nhiệm vụ mua bí quyết công nghệ thực hiện theo quy định tại khoản 4, 5 và 6 Điều 12 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

Bước 4. Thẩm định kinh phí: Cơ quan quản lý thành lập Tổ thẩm định và tổ chức thẩm định kinh phí; rà soát định mức chi, nội dung chi theo quy định; lập biên bản thẩm định, xác định tổng kinh phí và cơ cấu các khoản chi (khoán/không khoán).

Bước 5. Thông báo và hoàn thiện kinh phí: Trong thời hạn tối đa 03 ngày làm việc, cơ quan quản lý nhiệm vụ thông báo kết quả thẩm định kinh phí; trên cơ sở đó, tổ chức đề xuất có trách nhiệm hoàn thiện dự toán và nộp lại qua cổng dịch vụ công/nền tảng số hoặc trực tiếp/bưu chính trong vòng 07 ngày làm việc kể từ khi nhận thông báo.

e) Phê duyệt và ký hợp đồng giao nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 13 và 15 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

g) Đánh giá trong kỳ, cuối kỳ, đánh giá hiệu quả đầu ra, điều chỉnh hợp đồng, chấm dứt hợp đồng thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 16 và 17 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

h) Đánh giá tác động của kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 18 và quyết định chấm dứt thực hiện nhiệm vụ và thanh lý hợp đồng giao nhiệm vụ quy định tại Điều 19 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

3. Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu, thương mại hóa, phân chia lợi nhuận từ thương mại kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ, đổi mới sáng tạo

a) Quyền quản lý, sử dụng, quyền sở hữu kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được quy định tại Điều 32 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

b) Thương mại hóa kết quả của nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước được giao quyền quản lý, sử dụng cho cơ quan, tổ chức, đơn vị quy định tại Điều 33 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

c) Phân chia lợi nhuận từ hoạt động thương mại hóa kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo quy định tại Điều 34 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục III****HÌNH THỨC ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG ĐỂ
LIÊN DOANH, LIÊN KẾT VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP KHÁC;
HOẶC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN KHÁC**

(Kèm theo Công văn số/BGDDĐT-KHCNTT ngày tháng năm 2026)

1. Căn cứ pháp lý

- Điều 20 Nghị định số 180/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hợp tác công tư trong lĩnh vực phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hướng dẫn thực hiện đối với các đơn vị sự nghiệp công lập khi triển khai mô hình sử dụng tài sản công để liên doanh, liên kết.

- Điều 55 Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 của Chính phủ.

- Thông tư số 120/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Khái quát về mô hình

Mô hình này cho phép đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng tài sản công, bao gồm cả dữ liệu, để liên doanh, liên kết với đơn vị sự nghiệp công lập khác; hoặc tổ chức, cá nhân khác, nhằm triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ hoặc hợp tác đào tạo theo đúng quy định.

Đây là cơ chế để khai thác hiệu quả hơn tài sản công, tăng giá trị sử dụng tài sản, mở rộng dịch vụ công, đồng thời huy động thêm nguồn lực xã hội cho phát triển khoa học, công nghệ và đào tạo.

3. Nguyên tắc cần nắm trước khi thực hiện

Cần quán triệt 5 nguyên tắc sau:

1. Chỉ thực hiện đúng mục đích được pháp luật cho phép: Việc liên doanh, liên kết chỉ được đặt trong khuôn khổ các hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và hợp tác đào tạo theo quy định.

2. Phải có đề án được phê duyệt: Đơn vị không được tự ý đưa tài sản công vào liên doanh, liên kết nếu chưa xây dựng đề án và chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

3. Việc sử dụng tài sản phải bảo đảm điều kiện hợp pháp: Với trường hợp sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết theo tính chất khai thác bổ sung, tài

sản chỉ được đưa vào mô hình khi đáp ứng một trong các yêu cầu về thời gian, cường độ sử dụng và cung cấp dịch vụ.

4. Người đứng đầu đơn vị chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện: Sau khi đề án được phê duyệt, người đứng đầu đơn vị được quyết định lựa chọn đối tác và phương án sử dụng tài sản công để triển khai.

5. Phải quản lý chặt chẽ tài sản trước, trong và sau liên doanh, liên kết: Tài sản công không vì đưa vào liên doanh, liên kết mà mất đi tính chất quản lý công; việc xử lý tài sản khi kết thúc hợp tác phải tuân thủ đúng quy định.

4. Các bước thực hiện mô hình

Bước 1. Xác định nhu cầu và tính phù hợp của mô hình

Đơn vị trước hết phải làm rõ:

- Nhu cầu liên doanh, liên kết là gì?
- Mục tiêu cụ thể của việc hợp tác?
- Loại tài sản công nào dự kiến đưa vào sử dụng?
- Tài sản đó có đang phục vụ nhiệm vụ thường xuyên hay không?
- Việc liên doanh, liên kết có giúp nâng cao hiệu quả khai thác tài sản, mở rộng dịch vụ công, hoặc thúc đẩy nghiên cứu, đào tạo hay không?

Ở bước này, đơn vị nên trả lời 4 câu hỏi cốt lõi:

Một là, mô hình này nhằm giải quyết vấn đề gì?

Ví dụ: thiếu nguồn lực đầu tư thiết bị nghiên cứu, cần tăng hiệu suất sử dụng phòng thí nghiệm, cần hợp tác đào tạo với doanh nghiệp.

Hai là, tài sản công đưa vào sử dụng có hợp pháp, rõ nguồn gốc, rõ hiện trạng không?

Ba là, việc đưa tài sản vào liên doanh, liên kết có ảnh hưởng đến nhiệm vụ do Nhà nước giao không?

Bốn là, hiệu quả công, hiệu quả tài chính, hiệu quả chuyên môn của mô hình là gì?

Bước 2. Rà soát điều kiện sử dụng tài sản công

Sau khi xác định nhu cầu, đơn vị cần rà soát kỹ điều kiện pháp lý của tài sản dự kiến dùng để liên doanh, liên kết.

Nội dung rà soát gồm: (1) danh mục tài sản; (2) hiện trạng sử dụng; (3) giá trị, tính chất pháp lý của tài sản; (4) khả năng khai thác chung; (5) mức độ ảnh hưởng đến nhiệm vụ công; (6) khả năng tạo thêm dịch vụ công hoặc tăng hiệu suất sử dụng.

Theo quy định, với một số trường hợp, tài sản công chỉ được dùng để liên doanh, liên kết khi thuộc một trong ba tình huống:

- Sử dụng vào thời gian nhàn rỗi;

- Làm tăng thời gian, cường độ khai thác;
- Tạo ra nhiều dịch vụ công hơn cho xã hội.

Bước 3. Xây dựng đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết

Đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm lập đề án theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định để trình phê duyệt.

1. Nội dung đề án nên làm rõ

Một đề án tốt cần thể hiện đầy đủ các nội dung sau:

- Sự cần thiết của việc liên doanh, liên kết;
- Cơ sở pháp lý;
- Mục tiêu của mô hình;
- Danh mục tài sản công đưa vào sử dụng;
- Hiện trạng và phương án sử dụng tài sản;
- Đối tượng, lĩnh vực và phạm vi liên doanh, liên kết;
- Dự kiến hình thức liên doanh, liên kết;
- Hiệu quả dự kiến;
- Biện pháp quản lý, giám sát;
- Phương án xử lý tài sản sau khi kết thúc hợp tác;
- Phân công trách nhiệm tổ chức thực hiện.

2. Yêu cầu đối với đề án

Đề án phải bảo đảm rõ mục tiêu; rõ tài sản; rõ phương án tổ chức; rõ hiệu quả; rõ trách nhiệm; rõ thời hạn thực hiện.

Bước 4. Xác định đúng thẩm quyền phê duyệt

Thẩm quyền phê duyệt đề án được phân định như sau:

Trường hợp 1: Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền phê duyệt đối với tài sản công thuộc phạm vi quản lý của mình.

Trường hợp 2: Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư được tự phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị mình.

Bước 5. Hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt

Theo quy định, hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt gồm:

- Văn bản đề nghị phê duyệt đề án của đơn vị sự nghiệp công lập: 01 bản chính;
- Văn bản của cơ quan quản lý cấp trên có ý kiến về đề án, nếu có cơ quan quản lý cấp trên: 01 bản chính;

- Đề án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết của đơn vị: 01 bản chính;

- Các hồ sơ liên quan khác, nếu có: 01 bản sao.

Bước 6. Trình phê duyệt và theo dõi xử lý hồ sơ

Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày, cơ quan, người có thẩm quyền phải: quyết định phê duyệt đề án; hoặc có văn bản yêu cầu hoàn thiện; hoặc có văn bản không phê duyệt.

Đối với trường hợp người đứng đầu đơn vị tự phê duyệt đề án, người đứng đầu đơn vị có trách nhiệm quyết định thời gian thực hiện phù hợp với tiến độ triển khai.

Việc đơn vị cần làm trong giai đoạn này

- Phân công đầu mối theo dõi hồ sơ;
- Chủ động giải trình khi có yêu cầu;
- Hoàn thiện hồ sơ ngay nếu bị yêu cầu bổ sung;
- Lưu đầy đủ văn bản phê duyệt hoặc ý kiến phản hồi.

Bước 7. Tổ chức lựa chọn đối tác và quyết định phương án triển khai

Sau khi đề án đã được phê duyệt, người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập được tự quyết định lựa chọn đối tác; quyết định phương án sử dụng tài sản công vào mục đích liên doanh, liên kết.

Khi quyết định phương án triển khai, cần làm rõ

- Tài sản nào đưa vào hợp tác;
- Phạm vi sử dụng;
- Trách nhiệm từng bên;
- Cơ chế quản lý, vận hành;
- Phương án tài chính;
- Phương án giám sát;
- Cơ chế xử lý rủi ro, tranh chấp;
- Phương án kết thúc hợp tác.

Bước 8. Lựa chọn hình thức liên doanh, liên kết phù hợp

Theo quy định, có 3 hình thức cơ bản:

Hình thức 1. Không thành lập pháp nhân mới, mỗi bên tự quản lý tài sản của mình

Các bên sử dụng tài sản của mình để thực hiện liên doanh, liên kết; tự quản lý, sử dụng tài sản của mình; tự bảo đảm các chi phí phát sinh. Trong trường hợp này, đơn vị sự nghiệp không phải xác định giá trị tài sản khi liên doanh, liên kết.

Hình thức 2. Không thành lập pháp nhân mới, cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư tài sản dùng chung

- Các bên cùng góp tài sản hoặc góp vốn để đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản phục vụ mục đích liên doanh, liên kết; cùng kiểm soát việc quản lý, sử dụng tài sản đó.
- Trường hợp này cũng không phải xác định giá trị tài sản khi liên doanh, liên kết.

Hình thức 3. Hình thành pháp nhân mới

Các bên cùng góp tài sản hoặc góp vốn để thành lập pháp nhân mới; pháp nhân mới quản lý, sử dụng tài sản theo pháp luật và hợp đồng liên doanh, liên kết.

Trường hợp này, người đứng đầu đơn vị được

- Tự quyết định giá trị tài sản; hoặc
- Thuê doanh nghiệp thẩm định giá; hoặc
- Thành lập Hội đồng thẩm định giá, để làm căn cứ quyết định giá trị tài sản công dùng vào liên doanh, liên kết.

Gợi ý lựa chọn hình thức

- Nếu mục tiêu là phối hợp khai thác linh hoạt, ít phát sinh thủ tục: ưu tiên hình thức 1.
- Nếu cần đầu tư chung tài sản phục vụ hoạt động: cân nhắc hình thức 2.
- Nếu hợp tác quy mô lớn, dài hạn, cần một chủ thể pháp lý độc lập: xem xét hình thức 3.

Bước 9. Ký kết hợp đồng và đưa mô hình vào vận hành

Sau khi chọn được đối tác và hình thức phù hợp, các bên cần ký kết hợp đồng liên doanh, liên kết.

Hợp đồng cần quy định rõ mục tiêu hợp tác; tài sản tham gia; cơ chế vận hành; quyền và nghĩa vụ của các bên; cơ chế tài chính; nguyên tắc quản lý tài sản; chế độ báo cáo; cơ chế kiểm tra, giám sát; xử lý vi phạm; xử lý tài sản khi kết thúc hoặc chấm dứt trước hạn.

Đối với trường hợp nhiều đơn vị sự nghiệp công lập liên doanh, liên kết với nhau để cung cấp dịch vụ công, các bên cùng lập 01 đề án chung và sau khi được phê duyệt thì không phải tổ chức lựa chọn đối tác.

Bước 10. Theo dõi, quản lý và giám sát trong quá trình thực hiện

Trong quá trình vận hành mô hình, đơn vị không chỉ dừng ở việc ký kết mà phải thường xuyên:

- Theo dõi tình trạng tài sản;
- Giám sát hiệu quả sử dụng;
- Đánh giá việc thực hiện mục tiêu đề án;

- Kiểm soát các nghĩa vụ tài chính;
- Bảo đảm việc liên doanh, liên kết không ảnh hưởng đến nhiệm vụ công.

Một số đầu việc cần duy trì

- Lập sổ theo dõi tài sản tham gia liên doanh, liên kết;
- Định kỳ rà soát hiệu quả sử dụng;
- Báo cáo cấp có thẩm quyền khi cần;
- Kiểm tra việc tuân thủ hợp đồng;
- Xử lý kịp thời các phát sinh.

Theo quy định, đơn vị được tự quyết định thời gian và tỷ lệ khấu hao đối với tài sản được sử dụng để liên doanh, liên kết.

Bước 11. Xử lý tài sản khi kết thúc liên doanh, liên kết

Khi hết thời hạn hoặc chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, tài sản được xử lý theo từng loại và từng hình thức liên doanh, liên kết.

1. Đối với quyền sử dụng đất, nhà, công trình và tài sản gắn liền với đất

Được chuyển giao không bồi hoàn cho đơn vị sự nghiệp công lập để quản lý, sử dụng.

2. Đối với tài sản khác hình thành trong quá trình liên doanh, liên kết

Các bên thỏa thuận, quyết định việc xử lý.

3. Đối với tài sản còn lại

Việc xử lý phụ thuộc vào hình thức liên doanh, liên kết:

- Nếu theo hình thức mỗi bên tự quản lý tài sản của mình: đơn vị tiếp tục quản lý, sử dụng hoặc trình cấp có thẩm quyền xử lý;

- Nếu cùng góp vốn đầu tư tài sản: phần tài sản của mỗi bên được xác định tương ứng với giá trị vốn góp;

- Nếu hình thành pháp nhân mới: tài sản được chia theo tỷ lệ đóng góp; nếu không chia được bằng hiện vật thì bán theo giá thị trường hoặc đấu giá.

4. Trường hợp đối tác tự nguyện chuyển giao không bồi hoàn

Đơn vị sự nghiệp công lập tiếp nhận và quản lý, sử dụng theo quy định.

5. Nội dung chính của quyết định phê duyệt đề án

Quyết định phê duyệt đề án cần có các nội dung chủ yếu:

- Tên đơn vị sự nghiệp công lập được sử dụng tài sản vào mục đích liên doanh, liên kết;

- Danh mục tài sản được sử dụng;
- Thời hạn thực hiện đề án;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Những điểm dễ sai sót cần đặc biệt lưu ý

Trong thực tế, các đơn vị thường dễ vướng ở các lỗi sau:

1. Chưa làm rõ căn cứ pháp lý và sự cần thiết của mô hình dẫn tới đề án thiếu tính thuyết phục.
 2. Đưa tài sản đang phục vụ nhiệm vụ chính vào liên doanh, liên kết mà không chứng minh được điều kiện cho phép.
 3. Đề án nêu chung chung, thiếu phương án quản lý tài sản và xử lý sau khi kết thúc.
 4. Không quy định chặt chẽ trong hợp đồng về tài sản hình thành sau liên doanh, liên kết dẫn đến tranh chấp khi kết thúc hợp tác./.
-

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục IV****CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH HỢP TÁC GIỮA NHÀ NƯỚC - NHÀ TRƯỜNG -
DOANH NGHIỆP**

(Kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng 4 năm 2026)

1. Cơ chế, chính sách ưu đãi

Các chính sách ưu đãi về thuế quy định cụ thể địa bàn, lĩnh vực ưu đãi thuế, trong đó có chính sách cụ thể cho lĩnh vực giáo dục và đào tạo, lĩnh vực khoa học và công nghệ và một số chính sách mới, đặc thù mới, vượt trội nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, hợp tác giữa nhà trường – doanh nghiệp trong hoạt động nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao (*chi tiết tại Công văn số 9689/BTC-KTN ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính gửi kèm theo*).

2. Tài chính, đầu tư

a) Nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo: Định mức chi làm cơ sở xây dựng dự toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ, thực hiện theo Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Quy định về nội dung chi; lập dự toán, phân bổ, quản lý, sử dụng, quyết toán ngân sách nhà nước cho hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nội dung chi, quản lý và sử dụng Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp; khoản chi của doanh nghiệp cho nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị định số 265/2025/NĐ-CP ngày 14/10/2025 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo về tài chính và đầu tư trong khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (*sau đây gọi tắt là Nghị định số 265/2025/NĐ-CP*).

c) Quy định về nội dung, tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục xét tài trợ, ký hợp đồng, quản lý và tổ chức thực hiện hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung

ương và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được quy định tại khoản 1 Điều 42 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP, thực hiện theo Thông tư số 43/2025/TT-BKHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ.

d) Doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị sự nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam được trích lập Quỹ phát triển khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 17 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 67/2025/QH15.

3. Cơ chế hỗ trợ

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được thành lập Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của cấp mình để tài trợ, đặt hàng thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ lãi suất vay để ứng dụng công nghệ, chuyển giao công nghệ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ, hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, thực hiện theo Thông tư số 17/2026/TT-BKHCN ngày 13/4/2026 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Nghị định số 265/2025/NĐ-CP.

4. Cơ chế quản trị rủi ro

- Việc chấp nhận rủi ro trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 và Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Rủi ro dẫn đến thiệt hại cho nhà nước được chấp nhận trong hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Rủi ro dẫn đến kết quả không đạt mục tiêu đề ra được chấp nhận trong thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước là loại rủi ro không lường trước được, phát sinh từ bản chất của vấn đề nghiên cứu, phát sinh từ môi trường bên ngoài, phát sinh trong quá trình thực hiện mặc dù tổ chức thực hiện nhiệm vụ đã tuân thủ đầy đủ quy định quản lý nhiệm vụ, quy trình thực hiện, nội dung nghiên cứu, biện pháp phòng ngừa rủi ro theo quy định tại Điều 36 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP.

- Trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức, cá nhân trong nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo theo quy định tại Điều 37 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

- Trách nhiệm quản trị rủi ro của tổ chức chủ trì trong việc thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

- Quản trị rủi ro trong việc xét tài trợ, đặt hàng nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định tại Điều 39 Nghị định số 267/2025/NĐ-CP

5. Cơ chế thử nghiệm có kiểm soát

a) Yêu cầu chung đối với thử nghiệm có kiểm soát công nghệ, quy trình, giải pháp, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới quy định tại Điều 21 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

b) Miễn, loại trừ trách nhiệm trong hoạt động thử nghiệm có kiểm soát quy định tại Điều 22 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

c) Bảo vệ người tham gia thử nghiệm có kiểm soát quy định tại Điều 23 của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15.

d) Những quy định, chính sách ưu tiên liên quan đến thử nghiệm có kiểm soát sản phẩm, dịch vụ ứng dụng công nghệ số được quy định tại Điều 8 của Luật Công nghiệp Công nghệ số và Chương 4 Nghị định 353/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật công nghiệp công nghệ số.

6. Về cơ chế thẩm định giá tài sản, trong đó có thẩm định giá công nghệ, trên cơ sở các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và khoa học, công nghệ, nhằm thúc đẩy quá trình thương mại hoá sản phẩm

(Chi tiết tại Công văn số 17329/BTC-QLG ngày 07/11/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn về hoạt động thẩm định giá tài sản, trong đó có thẩm định giá công nghệ, gửi kèm theo).

7. Về hướng dẫn thành lập doanh nghiệp từ đại học, viện nghiên cứu

(Chi tiết tại Công văn số 3966/BTC-DNTN ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập Doanh nghiệp từ đại học, viện nghiên cứu gửi kèm theo)./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**Phụ lục V****MỘT SỐ MÔ HÌNH HỢP TÁC 3 NHÀ***(Kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNTT ngày tháng 4 năm 2026)***1. Một số mô hình trên thế giới***a) Hoa Kỳ*

Mô hình hợp tác Nhà nước – Đại học – Doanh nghiệp phát triển chủ yếu theo hướng “bottom-up”, nghĩa là từ dưới lên, dựa trên khung chính sách thông thoáng và động lực thị trường. Chính phủ liên bang giữ vai trò tạo môi trường thuận lợi và tài trợ mạnh cho nghiên cứu cơ bản, trong khi doanh nghiệp và trường đại học tự chủ kết nối với nhau. Cơ chế chính sách hỗ trợ tiêu biểu là Đạo luật Bayh-Dole năm 1980, cho phép các đại học được quyền sở hữu và thương mại hóa các phát minh từ nghiên cứu do nhà nước tài trợ.

Chính phủ Mỹ đầu tư ngân sách quy mô lớn qua các quỹ khoa học (NSF, NIH, NASA, DARPA...) cho nghiên cứu nền tảng tại đại học, đồng thời ban hành ưu đãi như tín dụng thuế R&D để khuyến khích doanh nghiệp tăng cường đổi mới. Phần lớn nghiên cứu cơ bản do đại học thực hiện (thường bằng kinh phí liên bang), còn doanh nghiệp tập trung vào R&D phát triển sản phẩm, một số ví dụ tiêu biểu:

1) Chương trình SBIR (Small Business Innovation Research) và STTR (Small Business Technology Transfer) là mô hình tiêu biểu thúc đẩy liên kết giữa khu vực nghiên cứu và doanh nghiệp nhỏ trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo. Được triển khai từ năm 1982 (SBIR) và 1992 (STTR), hai chương trình này do Chính phủ Liên bang khởi xướng, yêu cầu các cơ quan liên bang có ngân sách R&D lớn trích tỷ lệ phần trăm nghiên cứu hằng năm để tài trợ cho doanh nghiệp nhỏ.

Kết quả nổi bật của chương trình là đã tạo ra hàng trăm nghìn dự án đổi mới sáng tạo và hàng chục nghìn doanh nghiệp công nghệ. Nhiều tập đoàn lớn từng nhận hỗ trợ từ SBIR như Qualcomm (công nghệ viễn thông), Symantec (an ninh mạng), iRobot (robotics), hay Illumina (giải trình tự gen). Theo thống kê, SBIR đã đóng góp vào việc thương mại hóa hơn 70.000 sáng chế và tạo ra hàng triệu việc làm chất lượng cao tại Hoa Kỳ.

2) Mô hình Thung lũng Silicon (Silicon Valley) được xem là hình mẫu tiêu biểu và thành công nhất của hệ sinh thái “3 Nhà” trong thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế tri thức. Nhà nước đóng vai trò kiến tạo môi trường thông qua chính sách cởi mở, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư chiến lược cho nghiên cứu khoa học, đặc biệt từ các chương trình liên bang. Nhà trường, ví dụ nòng cốt là Đại học Stanford và UC Berkeley, trở thành trung tâm sản sinh tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao, đồng thời là nơi ươm tạo hàng loạt doanh nghiệp khởi nghiệp. Doanh nghiệp

giữ vai trò dẫn dắt thị trường, thương mại hóa kết quả nghiên cứu, đồng thời tái đầu tư vào hệ sinh thái thông qua mạng lưới quỹ đầu tư mạo hiểm và các chương trình hỗ trợ khởi nghiệp. Kết quả nổi bật của mô hình này là sự hình thành của một trong những trung tâm công nghệ và đổi mới sáng tạo hàng đầu thế giới, nơi quy tụ hàng nghìn công ty công nghệ lớn như Apple, Google, Meta, Intel hay Tesla. Silicon Valley đã tạo ra giá trị kinh tế khổng lồ, đóng góp đáng kể vào GDP của Hoa Kỳ và dẫn dắt nhiều làn sóng công nghệ toàn cầu, từ vi mạch bán dẫn, máy tính cá nhân đến internet và trí tuệ nhân tạo. Hệ sinh thái này cũng sản sinh ra hàng triệu việc làm chất lượng cao, thu hút nhân tài toàn cầu và thúc đẩy mạnh mẽ dòng chảy vốn đầu tư mạo hiểm. Đặc biệt, mô hình đã thiết lập chuẩn mực về liên kết nhà trường – doanh nghiệp, tạo ra vòng tuần hoàn đổi mới liên tục, nơi tri thức nhanh chóng được chuyển hóa thành sản phẩm thương mại.

b) Trung Quốc

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy mô hình hợp tác “3 Nhà” được triển khai với vai trò dẫn dắt rất mạnh mẽ của Nhà nước, thông qua các chiến lược quốc gia, các khu công nghệ cao và hệ thống chính sách đồng bộ. Trong đó, doanh nghiệp từng bước trở thành trung tâm của đổi mới sáng tạo, trong khi các trường đại học và viện nghiên cứu đóng vai trò cung cấp tri thức, công nghệ và nguồn nhân lực chất lượng cao. Sự gắn kết chặt chẽ này không chỉ thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu mà còn hình thành các hệ sinh thái đổi mới sáng tạo quy mô lớn, có khả năng cạnh tranh toàn cầu, một số mô hình cụ thể:

1) Trung tâm Công nghệ cao Zhongguancun (Bắc Kinh) được hình thành từ những năm 1980, ban đầu là khu vực tập trung các viện nghiên cứu và trường đại học hàng đầu như Đại học Thanh Hoa, Đại học Bắc Kinh và Viện Hàn lâm Khoa học Trung Quốc (CAS). Năm 1988, Chính phủ Trung Quốc chính thức phê duyệt nơi đây trở thành Khu thí điểm cải cách công nghệ cao quốc gia, mở đầu cho việc xây dựng “Thung lũng Silicon của Trung Quốc”. Với vai trò kiến tạo, Nhà nước ban hành hàng loạt cơ chế đặc thù về thuế, tài chính, sở hữu trí tuệ và thu hút nhân tài, tạo nền tảng cho liên kết chặt chẽ giữa nhà trường và doanh nghiệp. Đến nay, Zhongguancun đã phát triển thành một trong những hệ sinh thái đổi mới sáng tạo lớn nhất Trung Quốc, với hơn 20.000 doanh nghiệp công nghệ cao, trong đó có nhiều tập đoàn lớn như Lenovo, Baidu, Xiaomi, ByteDance. Khu vực này đóng góp trên 30% GDP của thành phố Bắc Kinh và có tổng doanh thu công nghệ hàng năm đạt hàng nghìn tỷ nhân dân tệ. Riêng số lượng doanh nghiệp “kỳ lân” (startup định giá trên 1 tỷ USD) luôn thuộc nhóm cao nhất cả nước.

2) Công viên khoa học Đại học Thanh Hoa (Tsinghua Science Park - TusPark) được thành lập năm 1994, là công viên khoa học trực thuộc Đại học Thanh Hoa, với mục tiêu ban đầu là thúc đẩy thương mại hóa kết quả nghiên cứu và ươm tạo doanh nghiệp công nghệ cao. Đây là một trong những mô hình tiêu biểu cho hợp tác “3 Nhà” tại Trung Quốc, với sự hỗ trợ chính sách và nguồn lực từ Nhà nước, vai trò dẫn dắt của đại học và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp.

Sau gần 30 năm phát triển, TusPark đã trở thành một trong những công viên khoa học đại học lớn nhất thế giới, quy tụ hơn 1.500 doanh nghiệp công nghệ, trong đó có nhiều startup và công ty niêm yết. Tổng giá trị sản xuất và doanh thu hàng năm đạt hàng trăm tỷ nhân dân tệ, đồng thời thu hút hàng chục nghìn chuyên gia, nhà khoa học và kỹ sư. Mô hình này cũng đã được nhân rộng ra nhiều địa phương trong và ngoài Trung Quốc thông qua mạng lưới TusPark toàn cầu. Có thể nói, TusPark là tạo ra một hệ sinh thái khởi nghiệp gắn chặt với đại học, nơi các kết quả nghiên cứu được chuyển giao nhanh chóng vào thực tiễn, đồng thời hình thành lực lượng doanh nghiệp công nghệ có năng lực cạnh tranh quốc tế. Mô hình này khẳng định vai trò trung tâm của trường đại học trong hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, đồng thời cho thấy hiệu quả của việc kết nối chặt chẽ giữa đào tạo, nghiên cứu và khởi nghiệp trong phát triển kinh tế tri thức.

Có thể nói, các mô hình tiêu biểu của Trung Quốc là minh chứng cho hợp tác “3 Nhà” theo hướng hệ sinh thái, có tính lan tỏa và khả năng nhân rộng ở cấp quốc gia.

c) Hàn Quốc

Hàn Quốc nổi bật với các sản phẩm công nghệ mũi nhọn như bán dẫn, pin xe điện và màn hình OLED, là kết quả trực tiếp của hợp tác “3 Nhà” với vai trò, trách nhiệm rất rõ ràng.

- Trong lĩnh vực bán dẫn, Nhà nước ban hành chiến lược quốc gia (K-Semiconductor), ưu đãi thuế, đầu tư hạ tầng và đào tạo nhân lực; các đại học như KAIST, POSTECH nghiên cứu vật liệu, vi mạch; trong khi Samsung và SK Hynix đầu tư R&D quy mô lớn, làm chủ công nghệ và dẫn dắt thị trường toàn cầu, đưa bán dẫn chiếm khoảng 20% kim ngạch xuất khẩu.

- Đối với pin xe điện, Nhà nước thúc đẩy chuyển đổi năng lượng và hỗ trợ chính sách; các viện – trường nghiên cứu vật liệu pin; còn LG Energy Solution, Samsung SDI triển khai sản xuất quy mô lớn, tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu, giúp Hàn Quốc thuộc nhóm dẫn đầu thế giới.

- Trong lĩnh vực OLED, Nhà nước hỗ trợ ngành công nghiệp hiển thị; các cơ sở nghiên cứu phát triển công nghệ nền; còn Samsung Display, LG Display thương mại hóa và chiếm lĩnh thị trường cao cấp.

Trong các mô hình này của Hàn Quốc, Nhà nước có hỗ trợ ngân sách đáng kể, song chủ yếu theo hướng đầu tư cho nghiên cứu nền tảng, đào tạo nhân lực và đồng tài trợ các dự án R&D chiến lược, thay vì bao cấp trực tiếp cho doanh nghiệp. Cách tiếp cận này giúp giảm rủi ro, tạo nền tảng công nghệ và khuyến khích doanh nghiệp đầu tư quy mô lớn, qua đó hình thành các ngành công nghiệp có năng lực cạnh tranh toàn cầu. Đồng thời, tạo ra các ngành công nghiệp công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn và năng lực cạnh tranh toàn cầu, đặc biệt trong các lĩnh vực mũi nhọn như bán dẫn, pin và hiển thị.

2. Một số mô hình trong nước

a) Mô hình phát triển các mạng lưới trung tâm đào tạo xuất sắc và tài năng về công nghệ 4.0 theo Quyết định 374/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Mô hình này cho thấy một cách tiếp cận mới trong tổ chức hợp tác “3 Nhà” theo quy mô hệ sinh thái. Điểm nổi bật là việc thiết kế cấu trúc mạng lưới thay vì tổ chức rời rạc, trong đó mỗi lĩnh vực công nghệ hình thành từ 1 đến 2 mạng lưới, do một cơ sở giáo dục đại học có thể mạnh dẫn dắt và kết nối các cơ sở giáo dục đại học cùng với doanh nghiệp trong và ngoài nước.

Mô hình được triển khai trên nền tảng 9 lĩnh vực công nghệ ưu tiên của công nghiệp 4.0, bao gồm AI, bán dẫn, công nghệ sinh học, dữ liệu lớn, an ninh mạng... qua đó bảo đảm tính tập trung và định hướng chiến lược. Về cơ chế nguồn lực, kết hợp ngân sách nhà nước với huy động nguồn lực từ doanh nghiệp và xã hội, trong đó ngân sách và tài sản nhà nước đóng vai trò “vốn môi”, đồng thời khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư, đồng tài trợ và khai thác kết quả. Nhà nước không chỉ hỗ trợ tài chính mà còn đóng vai trò điều phối hệ thống, thiết kế cấu trúc mạng lưới và tạo cơ chế thúc đẩy hợp tác. Các cơ sở giáo dục đại học được lựa chọn làm hạt nhân có trách nhiệm dẫn dắt đào tạo, nghiên cứu và lan tỏa nguồn lực trong toàn mạng. Đến nay, có 13 mạng lưới được hình thành với sự tham gia của gần 350 trường đại học, doanh nghiệp và địa phương, thúc đẩy hợp tác đào tạo, nghiên cứu và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghệ chiến lược.

Việc hình thành mô hình cho thấy sự chuyển đổi vai trò của đại học từ đào tạo sang trung tâm dẫn dắt hệ sinh thái tri thức, chịu trách nhiệm tổ chức đào tạo, chủ trì nghiên cứu và điều phối mạng lưới. Đáng chú ý, doanh nghiệp được đưa vào ngay từ giai đoạn thiết kế và triển khai, không chỉ là bên tiếp nhận mà là đối tác đồng kiến tạo, góp phần định hình chương trình đào tạo, tham gia nghiên cứu ứng dụng và huy động nguồn lực xã hội hóa. Điều này giúp khắc phục tình trạng lệch pha giữa đào tạo và nhu cầu thị trường.

b) Mô hình hợp tác “3 Nhà” trong phát triển công nghệ AI tại biên (Edge AI)

Chương trình “Nghiên cứu, phát triển một số công nghệ và sản phẩm trí tuệ nhân tạo tại biên (Edge AI)” do Đại học Bách khoa Hà Nội chủ trì là một ví dụ điển hình về triển khai hiệu quả mô hình hợp tác “Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp” trong lĩnh vực công nghệ cao tại Việt Nam. Chương trình được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt năm 2025, gồm 24 nội dung nghiên cứu, hướng tới xây dựng hệ sinh thái nghiên cứu – phát triển – ứng dụng AI có tính thực tiễn và tiềm năng thị trường rõ rệt.

Trong mô hình này, Nhà nước giữ vai trò định hướng và đặt hàng chiến lược, thông qua việc phê duyệt chương trình, xác định các lĩnh vực ưu tiên như sinh trắc học, UAV/AUV, khai thác dữ liệu dân cư phục vụ quản lý và phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, các cơ quan như C06 và C12 (Bộ Công an) tham gia trực tiếp với vai trò

“khách hàng công”, góp phần định hình yêu cầu kỹ thuật và ứng dụng thực tiễn của sản phẩm.

Đại học Bách khoa Hà Nội đóng vai trò trung tâm tri thức và điều phối hệ sinh thái, chủ trì toàn bộ chương trình, kết nối các nhóm nghiên cứu trong và ngoài nước, đồng thời triển khai đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao Edge AI. Đây là bước chuyển từ nghiên cứu đơn lẻ sang mô hình tích hợp nghiên cứu, đào tạo và ứng dụng.

Doanh nghiệp tham gia với vai trò đồng phát triển và triển khai công nghệ, bao gồm các tập đoàn lớn như PetroVietnam, Viettel, Gtel, TECAPRO..., cung cấp bài toán thực tế, môi trường thử nghiệm và từng bước tiếp nhận, thương mại hóa sản phẩm. Hiệu quả bước đầu của mô hình đã được minh chứng qua một số sản phẩm cụ thể: robot ROV hoạt động ở độ sâu 95m phục vụ ngành dầu khí; thiết bị sinh trắc học tích hợp theo Luật Căn cước mới; hệ thống nhận dạng sinh trắc học kiểm soát ra vào đã được thử nghiệm tại Trung tâm Dữ liệu quốc gia. Các kết quả này cho thấy khả năng chuyển hóa nhanh từ nghiên cứu sang ứng dụng thực tế.

c) Mô hình Công viên Công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội

Kinh nghiệm từ mô hình Công viên Công nghệ cao và Đổi mới sáng tạo của Đại học Quốc gia Hà Nội cho thấy, hợp tác “3 Nhà” chỉ phát huy hiệu quả khi được tổ chức thông qua một thiết chế trung gian có chức năng kết nối, chuyển giao và thương mại hóa công nghệ. Công viên được thiết kế quy mô 22,9 ha, hơn 110.000 m² sàn nghiên cứu, tích hợp đầy đủ các thành phần từ phòng thí nghiệm, viện nghiên cứu, vườn ươm, quỹ đầu tư đến doanh nghiệp, hình thành chuỗi giá trị “lab-to-market” khép kín.

Năm 2025, Công viên đã làm việc với 15 tập đoàn, doanh nghiệp; ký kết hợp tác với 7 doanh nghiệp; tiếp nhận đặt hàng R&D trị giá trên 50 tỷ đồng; hỗ trợ 12 tài sản sở hữu trí tuệ và chuyển giao thành công 2 sản phẩm công nghệ. Nhiều hợp tác đã gắn trực tiếp với thương mại hóa: doanh nghiệp MK Group cam kết đầu tư khoảng 20 tỷ đồng để phát triển chip ảnh nhiệt và thành lập doanh nghiệp spin-off; Tập đoàn BRG dự kiến đầu tư 6,5 tỷ đồng cho hệ thống tự động hóa; các doanh nghiệp y tế tài trợ 4–8 tỷ đồng cho nghiên cứu tế bào gốc; các hợp đồng quốc tế trong lĩnh vực AI, logistics, bất động sản đạt tổng giá trị trên 1,5 triệu USD.

Mô hình này có thể mở rộng thành không gian phát triển toàn diện, nơi Nhà nước – Nhà trường – Doanh nghiệp cùng hiện diện, tương tác và đồng kiến tạo giá trị. Đây không chỉ là nơi sản sinh tri thức mà còn là nơi hình thành các doanh nghiệp công nghệ, thu hút đầu tư và phát triển các ngành công nghiệp mới. Như vậy, phát triển các công viên khoa học và trung tâm đổi mới sáng tạo trong đại học chính là bước đi nền tảng để tiến tới xây dựng các đô thị đại học hiện đại – những “cực tăng trưởng tri thức” có khả năng lan tỏa, kết nối và dẫn dắt phát triển khoa học công nghệ và kinh tế tri thức trong giai đoạn tới./.
